

VÀI NÉT VỀ HOẠT ĐỘNG TRỒNG TRỌT CỦA NGƯỜI KHÁNG Ở TÂY BẮC

BÙI BÍCH LAN

Khoảng từ những năm 1920 của thế kỷ XX đến nay, đã và đang tồn tại trên thế giới một chuyên ngành của ngành dân tộc học, nghiên cứu về trồng trọt, được gọi là dân tộc học nông nghiệp. Ở nước ta, trong những nghiên cứu về kinh tế tộc người, hoạt động trồng trọt luôn có vị trí chủ đạo. Từ những năm 60 trở lại đây, đã có một số lượng đáng kể các bài viết của các tác giả mang tính chuyên đề về các hoạt động trồng trọt của các dân tộc ở Việt Nam, đăng trên các tạp chí và thông báo khoa học chuyên ngành. Ngoài ra, những khảo tả về hoạt động trồng trọt trong phần kinh tế tộc người luôn chiếm một dung lượng đáng kể trong hầu hết các sách và giản chí. Có thể nhắc tới một số nhà nghiên cứu tiêu biểu trong và ngoài nước quan tâm đến vấn đề này như: Barô. J., Blavatski V. D. - Nitikin, Mê nốp S. A., Nguyễn Anh Ngọc (1983), Lê Sĩ Giáo (1997), Bùi Minh Đạo (1999), Trần Bình (2001)... Trong khi các học giả nước ngoài quan tâm nhiều tới vấn đề nguồn gốc, lịch sử ra đời cũng như các giai đoạn phát triển của hoạt động trồng trọt, thì những nghiên cứu ở Việt Nam thường thể hiện dưới dạng những chuyên đề về các loại hình, phương thức... trồng trọt gắn với từng tộc người và điều kiện sinh thái cụ thể.

Về người Kháng, cho đến nay có thể khẳng định, đây là một dân tộc rất ít được quan tâm nghiên cứu. Trong thời gian qua, người Kháng mới chỉ đề cập trong một vài công trình mang tính giới thiệu đại cương về họ với một số tác giả như Vương Hoàng Tuyên (1963); Đặng Nghiêm Vạn, Nguyễn Trúc Bình, Nguyễn Văn Huy (1972)... Những công trình này chỉ đề cập hết sức sơ lược, phần nhiều mang tính chất khảo tả về các vấn đề kinh tế, văn hoá và xã hội của người Kháng. Đặc biệt, chưa từng thấy xuất hiện một chuyên khảo nào đề cập đến hoạt động trồng trọt của tộc người này.

Cộng đồng người Kháng cư trú ở khu vực trung tâm Tây Bắc - vùng núi non thượng và trung lưu của sông Đà. Theo kết quả Tổng điều tra Dân số và Nhà ở Việt Nam 1/4/2009, dân tộc Kháng có 13.840 người, cư trú chủ yếu ở 21 xã thuộc các tỉnh Lai Châu, Điện Biên và Sơn La.

Đại đa số người dân sinh sống bằng canh tác nương rẫy, làm ruộng nước chỉ mang tính hỗ trợ, trong đó canh tác cây lương thực là hoạt động chủ đạo. Hầu như mọi hoạt động trong hệ thống nông lịch của họ đều xoay quanh việc canh tác các loại cây lương thực trên nương rẫy.

1. Về giống cây trồng

Cho đến nay, chưa thấy tài liệu nào nghiên cứu về các loại giống cây lương thực truyền thống của người Kháng. Theo kết quả điều tra vào những năm 2006 và 2008 của tác giả, bộ giống lúa, ngô, rau màu... họ đã và đang sử dụng không phong phú lắm.

Lúa (*ngua*): Có hai loại chính là nếp và tẻ. Lúa nếp gồm có nếp sớm, với các loại *ngua ro lý*, hạt gạo to và có màu đỏ và *ngua péc*, hạt gạo có màu trắng, cả hai giống này đều có chung một số đặc điểm như cây cao, lá to, gạo thơm và ngon, gieo hạt vào tháng hai. Nếp muộn cũng có hai loại là *ngua pe lanh* và *ngua lái*. Ngoài ra, còn có nếp than (*ngua tan*), nếp cẩm (*ngua cẩm*)... Giống lúa tẻ nương bao gồm *ngua se cha* và *ngua se om hoa* (*ngo Mèo*). Một số nơi có thêm giống lúa tẻ *pong chén*, *phong tau nhe*, *pong tau lo*, *pong khâu lúa*, *khẩu pốt*, *pong nông*, *tàu ngom*...

Người Kháng thường trồng hai loại ngô: *ly dum* (ngô nếp sớm) hay còn gọi là *ly búc* (ngô trắng) và *ly se* (ngô tẻ) hay còn gọi là *ly en* (ngô đỏ). Cả hai loại ngô này đều là ngô trồng 6 tháng, chống chịu tốt nhưng năng suất không cao. Giống sắn của họ gồm *quai sam phiêng* (sắn ba tháng) và *quai tận số* (sắn đỏ) trồng lưu niên. Giống đậu gồm: *thúa lau* (đậu tương), *thúa uột* (đậu xanh), *thúa đa* (đậu đen), có thể trồng trên đất đã cạn màu. Vùng gồm *ngã om* (vùng đen) và *ngã dủ* (vùng trắng). Ngoài ra, họ còn trồng mạch ba góc (*mia phăng*), bầu (*pe co*)... trên các nương lúa và một số loại rau, cây ăn quả khác trong vườn quanh nhà.

Nhìn chung, các loại giống cây trồng mà người Kháng đã và đang sử dụng đều thấy các tộc người lân cận (Thái, Hmông, Dao, La Ha...) sử dụng khá phổ biến. Đó là bằng

chứng về sự giao lưu kinh tế, quan hệ kinh tế giữa họ với các tộc người khác trong vùng. Hiện nay, thông qua các cơ quan khuyến nông, các công ty giống cây trồng, họ đang sử dụng các giống cây trồng mới, có tính chống chịu và cho năng suất cao. Nhiều nơi lúa lai (đặc biệt là các giống lúa lai 64, VN 203, lúa lai tạp giao, các giống ngô VN10, VN 12...) đã giúp người Kháng thoát đói nghèo như ở Thuận Châu (Sơn La), Tuần Giáo (Điện Biên)...

Đối với người Kháng, việc chọn giống các loại cây trồng là công việc của các bà chủ nhà. Theo tập quán, họ chọn giống lúa ngay trên nương hoặc ruộng, trước khi thu hoạch. Những bông lúa to, dài, hạt đều và mẩy được ngắt, phơi khô, buộc thành túm, hoặc vò lấy thóc cất trên gác bếp. Đối với ngô giống, họ chọn các bắp có hạt đồng màu, to và dài, tuốt áo ngược về phía cuống, buộc thành một túm, phơi dưới trời nắng nhẹ, mang treo trên giàn bếp để cất trữ. Đối với sắn, họ chọn những thân cây to, nhiều mắt, bó lại để nơi râm mát trên nương, lấy cỏ rác phủ kín. Cũng có gia đình chặt luôn sắn giống thành hom (*bom quai*), chặt thành đồng trên nương... Nhìn chung, cách lựa chọn, bảo quản và xử lý giống cây trồng của người Kháng tương đối đơn giản, không cầu kỳ, nhưng hiệu quả; đảm bảo được giống tốt, không sợ ẩm mốc và pha tạp.

2. Về mùa vụ

Như nhiều tộc người khác ở Tây Bắc, chu kỳ canh tác của người Kháng khép kín, ít biến động, dựa hẳn vào thời tiết, khí hậu. Hàng năm, nơi họ sinh sống có hai mùa *khô/lạnh* và *mưa/nóng*, họ chỉ canh tác tất cả các loại cây trồng vào mùa *mưa/nóng* (tháng tư đến tháng mười). Phần lớn các loại cây lương thực đều được gieo trồng vào khoảng từ tháng hai đến tháng tư, thu hoạch tháng tám đến tháng mười (xem Biểu 1).

Biểu 1. Lịch nông nghiệp của người Kháng ở Chiềng Bôm, Sơn La

Tháng	Tiếng địa phương	Công việc
Tháng bảy	<i>Khuron Chiêng</i>	Chăm sóc, làm cỏ ngô, lúa.
Tháng tám	<i>Khuron Soong</i>	Chăm sóc lúa ruộng, chuẩn bị tháo cạn nước ở ruộng lúa.
Tháng chín	<i>Khuron Sam</i>	Thu lúa ngô và lúa sớm, thu hoạch đỗ.
Tháng mười	<i>Khuron Si</i>	Thu hoạch lúa, ngô đại trà, cúng cơm mới.
Tháng một	<i>Khuron Há</i>	Lấy củi, săn bắt, lấy gỗ làm nhà.
Tháng chạp	<i>Khuron Chạp</i>	Chuẩn bị ăn tết Nguyên Đán.
Tháng giêng	<i>Khuron Chét</i>	Các nghi lễ cộng đồng.
Tháng hai	<i>Khuron Pệt</i>	Lấy củi, tìm và phát nương mới, cày đất ruộng.
Tháng ba	<i>Khuron Cậu</i>	Đốt nương, chuẩn bị đất, trồng sắn, gieo hạt nương sớm.
Tháng tư	<i>Khuron Xíp</i>	Cày bừa làm đất và gieo hạt ngô, lúa nương.
Tháng năm	<i>Khuron Xíp Ét</i>	Cấy lúa ruộng, làm cỏ, chăm sóc nương rẫy.
Tháng sáu	<i>Khuron Xíp Soong</i>	Chăm sóc, làm cỏ ngô, lúa.

Nguồn: Điều tra thực địa ở Sơn La, Điện Biên (2006, 2008).

3. Về đất trồng

Theo kinh nghiệm dân gian của người Kháng, đất đai để trồng trọt được phân chia thành một số loại. Đất đen (*tia đả/đin lăm*) là loại đất có màu nâu đen, phân bố ở các thung lũng chân núi và rừng già. Đây là loại đất có tầng cơ học khá dày, thích hợp với nhiều loại cây trồng, thường được người Kháng khai thác để trồng lúa. Đất đỏ (*tia só/đin đeng*) thường có màu vàng sậm hoặc nâu đỏ, phân bố chủ yếu ở đồi núi hoặc các cánh rừng già, loại đất này thường được khai thác làm ruộng bậc thang hay nương rẫy. Đất sỏi (*tia luóc*) là loại đất lẫn rất nhiều sỏi dăm, thường được khai thác để trồng ngô, đậu, sắn. Đất vàng (*tia lương*) là loại đất đang trong giai đoạn phong hoá,

hoặc đã qua canh tác nhiều năm bị rửa trôi hết mùn trên bề mặt, loại này thường được khai thác để trồng sắn, cây ăn quả lưu niên.

Người Kháng ở Phình Sáng (Tuần Giáo, Điện Biên) phân chia đất đai thành các loại (theo thuật ngữ tiếng Thái): đất cát, sỏi (*đin he, đin sái*) để canh tác các loại ngô, đậu; đất bãi vùng cao nguyên (*đin phiêng*) trồng lạc, vừng, bông...; đất ở các khe núi (*đin loọng*) trồng ngô, đậu; đất mùn (*đin há*) khai phá thành các chân ruộng nước để canh tác lúa nếp, hoặc khai phá thành bãi, vườn để rau xanh và cây ăn quả; đất côm nắng (*đin ngăm chừm*) trồng chàm, các loại cây làm dược liệu; đất bùn (*đin póng*) khai phá thành ruộng để canh tác các loại lúa nước.

Nương được làm ở những nơi có nhiều cây to, lá xanh sẫm màu nâu đỏ, nâu đen, vàng sẫm, ẩm thấp, nhiều cỏ gianh, cút giun... Khi đã chọn được nơi làm nương, họ cắm *ta leo/pa héc ký*, thắt nút ở đầu một khóm cỏ gianh, hoặc phát một vài chòm làm dấu... Nếu đêm hôm đó, trong nhà có người mơ thấy rắn, nước lũ, mồ mả, đá to, trâu... thì làm nương ở nơi đã chọn sẽ *được ăn*; ngược lại, nếu mơ thấy bắt được cá trắng, vịt, dê, người chết, đánh nhau... là *không được ăn*. Nương mới, năm đầu họ trồng lúa; hai, ba năm sau trồng ngô, cuối cùng trồng sắn. Sau khi bỏ hoá/ hưu canh, dăm bảy năm lại trồng ngô, hoặc sắn. Như vậy, phần nào chống được cạn kiệt màu, xói mòn và tạo điều kiện cho rừng tái sinh. Trên nương, họ canh tác theo lối *đào canh hoả chủng* (dùng dao là chính và phải dùng thật nhiều giống), đất trồng được xử lý theo lối *phát cây - đốt - chọc lỗ - tra hạt*.

Với ruộng nước, cũng như người Thái, người Kháng coi trọng việc làm kè, ngăn bờ giữ nước. Họ cũng dùng sức trâu để cày vỡ, bừa cho nhỏ, nhuyễn, trước khi gieo trồng. Để khai phá ruộng bậc thang, họ dùng cuốc, xẻng đào đất tạo thành dải ruộng bao quanh sườn núi, sau đó dùng đất đắp bờ giữ nước. Việc khai phá ruộng bậc thang bao giờ cũng từ đỉnh dốc tiến dần xuống phía chân dốc. Một khu ruộng bậc thang thường phải khai phá qua hàng chục năm, thậm chí qua nhiều thế hệ.

Công cụ làm đất của người Kháng chủ yếu gồm: cày (*thày*), bừa *chữ nhi* (*mè van*), cuốc (*ca chóp*), xẻng (*pên*). Lưỡi cày và lưỡi cuốc họ mua ở chợ, hoặc tại cửa

hàng ở các thị tứ, thị trấn. Tay cày, diệp cày thường làm bằng *mày mạ* hoặc *mày nghén* (nghiến); tay bừa, răng bừa làm bằng gỗ *mày leng*. Họ không có nghi lễ hay kiêng kỵ gì liên quan đến các nông cụ.

4. Về tập quán gieo trồng một số cây lương thực

Cây lúa nương: Vào khoảng cuối tháng ta, đầu tháng tư (dương lịch), khi *phắc nam* (rau nam) đâm chồi thì người Kháng bắt đầu tra lúa nương. Ở bản Pá Mông, khi thấy chim *hap hap - khon khon* kêu, thấy hoa *mày tưu, mày khít* nở là lúc họ tiến hành tra lúa nương. Trước khi tra, họ tổ chức cúng nương (*mngặt ký*) ở mảnh nương lớn nhất, sau đó tra lúa tượng trưng, trồng gừng, đặt đá làm nơi trú ngụ cho hồn lúa... tại nơi cúng. Theo tập quán, họ dàn hàng ngang, người chọc lỗ thì lùi dần, người bỏ hạt thì tiến dần, từ chân dốc đến đỉnh nương. Gần đây, một vài nơi người Kháng đã chuyển từ chọc lỗ tra hạt sang vãi hạt, sau đó cuốc đất trên khắp mặt nương để lấp hạt giống.

Cây ngô: Khác với tra lúa, khi tra ngô bắt buộc phải có cặp nam cuốc hóc, nữ bỏ hạt và lấp đất. Xưa kia, cũng có người dùng gậy chọc lỗ khi tra ngô, nay tất cả dùng cuốc bới hóc, cách nhau khoảng 35 - 40cm. Khác với lúa, khi tra ngô, họ bắt đầu từ đỉnh xuống chân dốc.

Cây sắn: Thường được trồng vào tháng giêng - tháng hai. Họ dùng cuốc, bới hóc, đặt hom, lấp đất. Các hóc cách nhau khoảng 50 - 60cm. Các loại rau, mướp, bầu, bí, hành, dưa, chàm thường được họ trồng xen trên nương ngô, nương lúa.

Cùng với *huru canh*, *luân canh*, người Kháng còn *xen canh* nhiều loại cây trồng trên cùng một mảnh nương. Đây cũng là giải pháp tiết kiệm diện tích và làm tăng độ phì cho đất. Trên nương lúa, họ trồng thêm vùng ở xung quanh; các loại khoai sọ, dưa lầy quả (*tánh*), mướp (*mắc buôp*), bí đỏ (*biéc đeng*), bí xanh (*biéc look*), bầu... trồng xen lẫn lúa. Cạnh lều nương họ trồng cà ghém; cạnh lối đi lại trên nương trồng gừng (*tza zú*); xung quanh lều nương trồng đu đủ (*hía*)... Trên nương ngô, họ trồng xen các loại bí (*biéc look*, *biéc đeng*), đậu đũa (*thũa thù*), đậu đen (*thũa đả*), đậu xanh (*thũa uột*), chàm (*hom*), khoai lang và rau cải các loại (*phắc cát*)... Phần giáp rừng của các mảnh nương họ trồng chuối (*co cuối*), mít, ổi (*ói*), muỗm (*muông*)...

Xưa kia, khi gieo trồng, thu hoạch người Kháng thường đổi công cho nhau (*kỷ hùm*, *te dục ty*, *te van*, *tẹ chạng*). *Kỷ hùm* là sự tương trợ lẫn nhau; *te dục ty* là hình thức đổi công trong họ; *te van* là hình thức đổi công của các hộ khá giả (*chá bản*); *tẹ chạng* là hình thức đổi công theo kiểu làm thuê, người làm được trả công bằng muối, thóc, hoặc thịt lợn (Đặng Nghiêm Vạn, Nguyễn Trúc Bình, Nguyễn Văn Huy, 1972).

5. Về chăm bón, bảo vệ

Người Kháng bắt đầu dùng phân gia súc (*khùn*) để bón cho các loại cây trồng chỉ cách đây khoảng vài chục năm. Ngoài bón lót bằng phân gia súc, hiện nay, người Kháng bón thúc cho lúa bằng phân urê, lân... Việc dùng các loại thuốc trừ sâu đối với người Kháng đến nay vẫn còn tương đối hạn chế. Đến nay, vẫn chưa thấy có người

Kháng ở bất cứ địa phương nào dùng thuốc diệt cỏ. Họ sợ thuốc ảnh hưởng đến lúa, ngô. Vì thế, họ vẫn nhổ cỏ bằng tay, lần thứ nhất sau khi cấy được gần hai tháng và lần thứ hai khi lúa bắt đầu đẻ nhánh. Cùng với làm cỏ, họ phát quang bờ ruộng, xung quanh nương để chuột bỏ không làm tổ phá hoại lúa, màu. Hiện nay, do tác động của các cơ quan khuyến nông, nhiều nơi, họ cũng đã dùng các loại phân chuồng, đạm, lân và kali bón cho các loại cây trồng trên nương.

Chăm sóc, bảo vệ nương của người Kháng chỉ tập trung vào việc xua đuổi, đánh bẫy ngăn chặn muông thú đến phá hoại, làm hàng rào ngăn các loại gia súc, gia cầm. Hàng rào nương ngô được làm thưa, thoáng, chủ yếu để ngăn chặn trâu, bò; hàng rào nương lúa dày hơn, chống xâm nhập của cá lợn, gà nỡ. Theo tập quán, với tất cả các loại cây trồng, người Kháng đều làm cỏ, vun gốc từ một đến hai lần. Đối với lúa nương, sau khi gieo hạt được khoảng 25 - 30 ngày, họ làm cỏ đợt đầu; sau hai tháng làm cỏ đợt hai. Riêng đối với sắn và ngô, họ cũng làm cỏ hai lần, vun gốc và bón thúc bằng phân hoá học. Dụng cụ làm cỏ trên nương của họ chủ yếu là cuốc và dao.

6. Về thu hoạch và bảo quản

Thời vụ thu hoạch các loại lúa màu của người Kháng tập trung từ tháng tám đến tháng mười. Ngô sớm thu tháng tám; ngô muộn thu tháng chín - tháng mười; lúa ruộng gặt tháng chín; lúa nương gặt tháng chín - tháng mười...

Xưa, khi thu hoạch lúa, người Kháng dùng hái (*hép*), nay họ dùng liềm cắt ngang

thân lúa, gom thành từng nọn nhỏ, phơi khô sau đó đập, hoặc đánh thành đồng trên nương, trên ruộng rồi đập sau vụ thu. Dụng cụ dùng khi đập lúa là tấm đan (*khẩu sát*), thùng gỗ. Kiên ngày mốt của các thành viên trong nhà (bố, mẹ, ông, bà...) là điều kỳ duy nhất đối với việc thu hoạch lúa, màu của họ. Riêng ngô, họ chỉ thu hoạch vào thời gian cuối tuần trăng, để tránh mọt khi cất trữ. Theo thói quen, họ buộc ngô, lúa thành túm cất trữ trên gác, khi nào cần dùng mới lấy xuống và hoặc tách hạt khỏi bắp. Nay, họ thường đập lúa và tách ngô rồi đựng vào bao, hoặc bồ.

Trong xã hội truyền thống, người Kháng không quan tâm đến năng suất, sản lượng cây trồng. Ngày nay, họ vẫn tính diện tích bằng số lượng giống (kilôgam hoặc gùi). Theo dân gian Kháng, một bao thóc giống (khoảng 50 kg) đủ để tra được 1.000 m² nương, nếu may mắn sẽ thu được 10 bao thóc (khoảng 500 kg). Hiện nay, ở nhiều nơi, người Kháng dùng cân để tính năng suất, sản lượng ngô, lúa. Tuy vậy, việc dùng gùi để ước tính vẫn cũng còn nhiều người thực hiện. Theo các cụ già, năng suất lúa ngô xưa kia thấp, vì thế, quanh năm đói kém. Gần đây, nhờ khuyến nông, họ mới chú ý đến việc theo dõi năng suất, sản lượng các loại cây trồng.

Hiện nay, để hòa nhập với việc phát triển nền kinh tế thị trường, người Kháng đã có rất nhiều thay đổi theo hướng sản xuất hàng hoá, đa dạng hoá cơ cấu kinh tế. Song canh tác cây lương thực vẫn giữ vai

trò quan trọng hàng đầu trong hoạt động kinh tế của họ.

Ngày nay, dù đã trải qua 30 năm Đổi mới, kinh tế của người Kháng căn bản vẫn là nền kinh tế tự cấp tự túc, lấy trồng trọt trên đất dốc làm hoạt động chủ đạo, các hoạt động khác chỉ là phụ trợ. Trải qua nhiều thế hệ, người Kháng cũng như các dân tộc thiểu số khác vùng Tây Bắc đã tích lũy được những tri thức và kinh nghiệm trong hoạt động trồng trọt dựa trên sự thích nghi với môi trường cảnh quan. Từ đó, họ đã từng bước hình thành cho mình một thể ứng xử hợp lý với điều kiện tự nhiên thể hiện qua những kinh nghiệm trong sử dụng các loại đất, trong lựa chọn, chăm sóc và bảo vệ các loại cây trồng. Trên cơ sở quan sát sự biến đổi của các hiện tượng thời tiết, khí hậu... lịch mùa vụ của người Kháng đã thể hiện sự hoà đồng và nương tựa của con người đối với tự nhiên. Tập quán đa canh, luân canh và xen canh trên rẫy đã đem lại đồng thời những lợi ích kinh tế và sinh thái khác nhau,...

Những năm gần đây, do sức ép của sự gia tăng dân số, việc khai thác đất đai để mở rộng diện tích trồng trọt của người Kháng ở Tây Bắc đã dẫn đến việc phá rừng và có những ảnh hưởng nghiêm trọng đến tài nguyên môi sinh. Trong điều kiện và hoàn cảnh mới, tiếp tục cải tạo và phát triển hình thức trồng trọt để tiến tới một nền sản xuất nông nghiệp vừa mang tính hàng hoá vừa bảo vệ được tài nguyên môi sinh là một yêu cầu tất yếu đang đặt ra không chỉ với người Kháng hiện nay.

Tài liệu tham khảo

1. Barô. J., *Đông Nam Á, nôi trồng trọt*, Tài liệu dịch, Thư viện Viện Dân tộc học, D157.

2. Trần Bình (2001), *Tập quán hoạt động kinh tế của một số tộc người ở Tây Bắc Việt Nam*, Nxb Văn hoá dân tộc, Hà Nội.

3. Blavatski V. D. - Nikitin. A. V., *Sự xuất hiện và phát triển của nông nghiệp*, Tài liệu dịch, Thư viện Viện Dân tộc học, DN 191.

4. Bùi Minh Đạo (1999), “Một số vấn đề cơ bản của trồng trọt ở các dân tộc tại chỗ Tây Nguyên”, *Tạp chí Dân tộc học*, Số 1, tr. 53-60.

5. Lê Sĩ Giáo (1997), “Hệ thống ruộng bậc thang trong môi trường miền núi phía Bắc Việt Nam”, *Tạp chí Dân tộc học*, Số 3, tr. 43-48

6. Mênôp. S. A., *Nông nghiệp tưới nước ruộng bậc thang*, Tài liệu dịch, Thư viện Viện Dân tộc học, D156.

7. Nguyễn Anh Ngọc (1983), “Những chuyển biến của các hình thái trồng trọt và một số vấn đề đặt ra khi đưa vùng cao tiến lên”, *Tạp chí Dân tộc học*, Số 1, tr. 49-55

8. Vương Hoàng Tuyên (1963), *Các dân tộc nguồn gốc Nam Á ở miền Bắc Việt Nam*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.

9. Đặng Nghiêm Vạn, Nguyễn Trúc Bình, Nguyễn Văn Huy (1972), *Những nhóm dân tộc thuộc ngữ hệ Nam Á ở Tây Bắc Việt Nam*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.



Vườn cây hoa địa lan ở xã Tả Phìn, huyện Sa Pa, tỉnh Lào Cai

Ảnh: Lê Mùi